TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Khắc
2. Bà Ngô Thị Cần

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị X ; Sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Thạch T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Anh Lê Văn C; Sinh năm: 1992
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020 và bản tự khai ngày 10/02/2020 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2014 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập. Thời gian kéo dài khiến cho chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 01/2020 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thu N, sinh ngày 08/12/2014 và Lê Anh V, sinh ngày 23/11/2016. Ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và giao cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/2/2020, anh Lê Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận bình thường, đôi lúc trong cuộc sống có sảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Từ đầu năm 2020 đến nay thì chị X đã về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị X yêu cầu ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mặt khác anh không muốn sau này con cái phải thiếu thốn tình cảm của cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị X.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thu N, sinh ngày 08/12/2014 và Lê Anh V, sinh ngày 23/11/2016. Nếu chị X nhất quyết xin ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị X được ly hôn anh Lê Văn C; Về con cái: Giao con chung Lê Thị Thu N, sinh ngày 08/12/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh v, sinh ngày 23/11/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh C

không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị X vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị X và anh C.

[5]. Về hôn nhân: Chị X và anh Lê Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị X đã về bên nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị X và anh C đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh C yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đến để tham gia hòa giải, trong khi đó chị X nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Quách Thị X được ly hôn anh Lê Văn C.

[6] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thu N, sinh ngày 08/12/2014 và Lê Anh V, sinh ngày 23/11/2016. Xét thấy, cháu N là con gái còn cháu V là con trai nên để cháu N ở với mẹ còn cháu V ở với bố sẽ phù hợp hơn về mặt tình cảm và giới tính. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị X, giao cháu N cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị X và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị Quách Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị X được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con cái: Giao cháu Lê Thị Thu N, sinh ngày 08/12/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh V, sinh ngày 23/11/2016, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị X, anh C có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị X chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị X đã nộp tạm ứng tại Chi

cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002661 ngày 07/02/2020. Chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Quách Thị X và anh Lê Văn C. Chị X và anh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc